

ĐỀ CHÍNH THỨC

Mã đề thi
157

Họ và tên:.....Lớp:..... SBD:.....

- | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-----------------------|
| ☐ 1 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 6 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 11 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 16 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 21 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ |
| ☐ 2 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 7 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 12 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 17 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 22 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ |
| ☐ 3 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 8 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 13 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 18 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 23 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ |
| ☐ 4 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 9 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 14 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 19 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 24 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ |
| ☐ 5 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 10 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 15 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 20 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ 25 | ☐ A | ☐ B | ☐ C | ☐ D | ☐ |

Câu 1. Cho hàm số: $y = \sqrt{1 - \sin x} - 1$, GTLN và GTNN của hàm số là:

- A. $\sqrt{2}$ và 1 B. Đáp án khác C. $\sqrt{2} - 1$ và - 1 D. $\sqrt{2} - 1$ và - 2

Câu 2. Gọi X là tập các nghiệm của phương trình: $\tan\left(\frac{\pi}{4} - x\right) = \tan 2x$, khi đó:

- A. $-\frac{\pi}{12} \in X$ B. $\frac{\pi}{2} \in X$ C. $-\frac{7\pi}{12} \in X$ D. $-\frac{\pi}{2} \in X$

Câu 3. Hàm số nào sau đây là hàm số chẵn?

- A. $y = \frac{x}{\cos x}$ B. $y = x + \sin x$ C. $y = |\sin x|$ D. $y = x^2 \sin x$

Câu 4. Phương trình $\sin(x^2 - 5x) = -\frac{\sqrt{3}}{2}$ có bao nhiêu nghiệm thuộc $\left[0; \frac{\pi}{2}\right]$?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 1

Câu 5. Phương trình $\sqrt{3} \tan^2 x - 2 \tan x - \sqrt{3} = 0$ có hai họ nghiệm có dạng

$x = \alpha + k\pi; x = \beta + k\pi \left(-\frac{\pi}{2} < \alpha, \beta < \frac{\pi}{2} \right)$. Khi đó $\alpha\beta$ bằng:

- A. $\frac{\pi^2}{18}$ B. $\frac{\pi^2}{12}$ C. $-\frac{\pi^2}{12}$ D. $-\frac{\pi^2}{18}$

Câu 6. Phương trình $2 \sin 2x - \sqrt{3} = 0$ có nghiệm trong $[0; 2\pi]$ là:

- A. $S = \left\{ \frac{\pi}{3}, \frac{4\pi}{3}, \frac{5\pi}{3} \right\}$ B. $S = \left\{ \frac{\pi}{6}, \frac{\pi}{3}, \frac{2\pi}{3}, \frac{5\pi}{6} \right\}$
C. $S = \left\{ \frac{\pi}{6}, \frac{\pi}{3}, \frac{7\pi}{6}, \frac{4\pi}{3} \right\}$ D. $S = \left\{ \frac{\pi}{6}, \frac{5\pi}{6}, \frac{7\pi}{6} \right\}$

Câu 7. Phương trình: $\tan x + 3 \cot x = 4$ có nghiệm:

- A. $x = \frac{\pi}{4} + k\pi; x = \arctan 3 + k\pi; k \in \mathbb{Z}$ B. $x = \frac{\pi}{4} + k\pi; k \in \mathbb{Z}$
C. $x = \arctan 3 + k\pi; k \in \mathbb{Z}$ D. $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi; x = \arctan 3 + k2\pi; k \in \mathbb{Z}$

Câu 8. Phương trình nào sau đây là phương trình bậc nhất đối với sin và cos:

- A. $2 \sin x - \sqrt{3} = 0$ B. $2 \tan x - 1 = 0$
C. $2 \cos^2 x + 3 \cos x - 5 = 0$ D. $\sin x - \sqrt{3} \cos x = \sqrt{2}$

Câu 9. Tập nghiệm của phương trình: $\cos\left(2x - \frac{\pi}{4}\right) = 0$ là:

A. $S = \left\{\frac{3\pi}{7} + \frac{k\pi}{2}, k \in \mathbb{Z}\right\}$

B. $S = \left\{\frac{3\pi}{8} + \frac{k\pi}{2}, k \in \mathbb{Z}\right\}$

C. $S = \left\{\frac{3\pi}{5} + \frac{k\pi}{2}, k \in \mathbb{Z}\right\}$

D. $S = \left\{\frac{3\pi}{4} + \frac{k\pi}{2}, k \in \mathbb{Z}\right\}$

Câu 10. Phương trình: $\sqrt{3} \sin 3x + \cos 3x = -1$ tương đương với phương trình nào:

A. $\sin\left(3x - \frac{\pi}{6}\right) = -\frac{1}{2}$

B. $\sin\left(3x + \frac{\pi}{6}\right) = -\frac{\pi}{6}$

C. $\sin\left(3x - \frac{\pi}{6}\right) = \frac{1}{2}$

D. $\sin\left(3x + \frac{\pi}{6}\right) = -\frac{1}{2}$

Câu 11. Hàm số $y = \sin x$ có tập xác định là:

A. $D = \mathbb{R} \setminus \{0\}$

B. $D = \mathbb{R}$

C. $D = \mathbb{R} \setminus \left\{\frac{\pi}{2} + k\pi, k \in \mathbb{Z}\right\}$

D. $D = \mathbb{R} \setminus \{k\pi, k \in \mathbb{Z}\}.$

Câu 12. Phương trình: $4\sin 3x \sin x + 4\cos\left(3x - \frac{\pi}{4}\right)\cos\left(x + \frac{\pi}{4}\right) - \cos^2\left(2x + \frac{\pi}{4}\right) + m = 0$ có nghiệm khi m thỏa mãn điều kiện $a \leq m \leq b; a, b \in \mathbb{R}$. Khi đó, $a^2 + b^2$ bằng:

A. 16

B. 7

C. 5

D. 10

Câu 13. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $y = \cos x$ đồng biến trên $[0; \pi]$

B. $y = \sin x$ đồng biến trên $[0; \pi]$

C. $y = \tan x$ nghịch biến trên $\left(0; \frac{\pi}{2}\right)$

D. $y = \cot x$ nghịch biến trên $(0; \pi)$

Câu 14. Giá trị nào của m thì phương trình $\cos^2 x + m = 0$ có nghiệm:

A. $m \in [-1; 1]$

B. $m \in [-1; 0]$

C. $m \leq 0$

D. $m < 0$

Câu 15. Phương trình nào sau đây vô nghiệm?

A. $\sqrt{3} \sin x - 2 = 0.$ **B.** $2 \sin x - 1 = 0$ **C.** $3 \sin x + \sqrt{3} = 0$ **D.** $12 \sin x - 11 = 0$

Câu 16. Phương trình $\sin 5x = 5 \sin x$ có nghiệm lượng giác là:

A. $\begin{cases} x = k\frac{\pi}{2} \\ x = \frac{\pi}{6} + k\frac{2\pi}{3} \end{cases} (k \in \mathbb{Z})$

B. Vô nghiệm.

C. $x = k\pi (k \in \mathbb{Z})$

D. $x = k\frac{\pi}{2} (k \in \mathbb{Z})$

Câu 17. Phương trình $\cot x = a$ có công thức nghiệm là:

A. $x = -\operatorname{arccot} a + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$

B. $x = \operatorname{arccot} a + k\pi, k \in \mathbb{Z}$

C. $x = \operatorname{arccot} a + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$

D. $x = -\operatorname{arccot} a + k\pi, k \in \mathbb{Z}$

Câu 18. Phương trình $\cos\left(3x + \frac{\pi}{6}\right) = 1 - 2\sin^2 x$ có nghiệm:

A. $x = \frac{5\pi}{3} + k2\pi; k \in \mathbb{Z}$

B. $x = \frac{\pi}{6} + k\pi; k \in \mathbb{Z}$

C. $x = -\frac{\pi}{6} + k\pi; x = -\frac{\pi}{30} + k\frac{2\pi}{5}; k \in \mathbb{Z}$

D. $x = -\frac{\pi}{6} + k2\pi; x = -\frac{\pi}{30} + k\frac{2\pi}{5}, k \in \mathbb{Z}$

Câu 19. Phương trình $\cot\left(4x - \frac{\pi}{4}\right) = \cot\left(x + \frac{\pi}{4}\right)$ có họ nghiệm là.

A. $x = \frac{\pi}{6} + k\pi, (k \in \mathbb{Z}).$

B. $x = \frac{\pi}{6} + k\frac{\pi}{3}, (k \in \mathbb{Z}).$

C. $x = -\frac{\pi}{6} + k\frac{\pi}{3}, (k \in \mathbb{Z}).$

D. $x = -\frac{5\pi}{6} + k\pi, (k \in \mathbb{Z}).$

Câu 20. Phương trình: $\tan x = -1$ có nghiệm:

A. $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi; k \in \mathbb{Z}$

B. $x = \frac{\pi}{4} + k\pi; k \in \mathbb{Z}$

C. $x = k\pi; k \in \mathbb{Z}$

D. $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi; k \in \mathbb{Z}$

Câu 21. Giá trị lớn nhất của hàm số $y = \frac{m \sin x + 1}{\cos x + 2}$ bằng 3 khi m:

A. $|m| = 4$

B. $|m| \geq 2$

C. $|m| < \sqrt{3}$

D. $|m| = 1$

Câu 22. Phương trình: $2\sin^2 x + 3\cos^2 x = 5\sin x \cos x$ có hai họ nghiệm có dạng $x = \frac{\pi}{4} + k\pi$ và

$x = \arctan\left(\frac{a}{b}\right) + k\pi; a, b$ nguyên dương, phân số $\frac{a}{b}$ tối giản. Khi đó: $a + b$ bằng:

A. 5

B. 4

C. 11

D. 7

Câu 23. Tìm nghiệm của phương trình lượng giác: $\cos^2 x - \cos x = 0$ thỏa mãn điều kiện: $0 < x < \pi$

A. $x = \pi$

B. $x = \frac{3\pi}{2}$

C. $x = \frac{\pi}{2}$

D. $x = 0$

Câu 24. Cho phương trình: $\tan(x + 1) = 3$. Nghiệm của phương trình là:

A. $x = \arctan 3 + k\pi; k \in \mathbb{Z}.$

B. $x = -1 + \arctan 3 + k\pi; k \in \mathbb{Z}.$

C. Đáp án khác

D. $x = -1 - \arctan 3 + k\pi; k \in \mathbb{Z}.$

Câu 25. Phương trình $\cos 2x = \frac{\sqrt{3}}{2}$ có hai họ nghiệm có dạng: $x = \alpha + k\pi; x = \beta + k\pi (k \in \mathbb{Z})$. Khi đó

tích $\alpha\beta$ bằng:

A. $-\frac{\pi^2}{144}.$

B. $-\frac{\pi^2}{6}$

C. $-\frac{\pi^2}{36}$

D. $\frac{\pi}{36}$

----- HẾT -----

Họ và tên:.....Lớp:..... SBD:.....

☐ 1	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 6	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 11	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 16	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 21	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐
☐ 2	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 7	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 12	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 17	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 22	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐
☐ 3	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 8	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 13	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 18	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 23	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐
☐ 4	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 9	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 14	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 19	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 24	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐
☐ 5	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 10	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 15	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 20	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐ 25	☐ A	☐ B	☐ C	☐ D	☐

Câu 1. Trong các hàm số sau đây, hàm số nào là hàm số tuần hoàn?

- A.** $y = \frac{x-1}{x+5}$. **B.** $y = x+1$ **C.** $y = x^2$ **D.** $y = \sin x$

Câu 2. Nghiệm của phương trình: $\sin x + \cos x = 1$ là

- A.** $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$ **B.** $\begin{cases} x = \frac{\pi}{4} + k2\pi \\ x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi \end{cases}$ **C.** $\begin{cases} x = k2\pi \\ x = \frac{\pi}{2} + k2\pi \end{cases}$ **D.** $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$

Câu 3. Phương trình $\sin x = 0$ có công thức nghiệm là:

- A.** $x = \pi + k\pi, k \in \mathbb{Z}$. **B.** $x = k\pi, k \in \mathbb{Z}$.
C. $x = k2\pi, k \in \mathbb{Z}$. **D.** $x = \pi + 2k\pi, k \in \mathbb{Z}$.

Câu 4. Phương trình $2\sin(2x + 20^\circ) + \sqrt{3} = 0$ có nghiệm lượng giác là:

- A.** $\begin{cases} x = -40^\circ + k180^\circ \\ x = 110^\circ + k180^\circ \end{cases} (k \in \mathbb{Z})$. **B.** $\begin{cases} x = 14^\circ + k360^\circ \\ x = 101^\circ + k360^\circ \end{cases} (k \in \mathbb{Z})$
C. $\begin{cases} x = -40^\circ + k2\pi \\ x = 110^\circ + k2\pi \end{cases} (k \in \mathbb{Z})$ **D.** $\begin{cases} x = -40^\circ + k360^\circ \\ x = 110^\circ + k360^\circ \end{cases} (k \in \mathbb{Z})$

Câu 5. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào sai:

- A.** $y = \sin x$ là hàm số tuần hoàn với $T = 2\pi$ **B.** $y = \tan x$ có tập xác định là $D = \mathbb{R} \setminus \{k\pi; k \in \mathbb{Z}\}$
C. $y = \cot x$ là hàm số lẻ **D.** $y = \cos x$ có tập xác định là $D = \mathbb{R}$

Câu 6. Phương trình: $-\tan x = \sqrt{3}$ có nghiệm là:

- A.** $x = \frac{\pi}{6} + k\pi$ **B.** $x = -\frac{\pi}{6} + k\pi$ **C.** $x = -\frac{\pi}{3} + k\pi$ **D.** $x = \frac{\pi}{3} + k\pi$

Câu 7. Phương trình $\cos^2 x - 3\cos x + 2 = 0$ có nghiệm là:

- A.** $x = k2\pi$ **B.** $x = k\frac{\pi}{2}$
C. $x = k2\pi; x = \arccos 2 + k2\pi$ **D.** $x = k\pi; x = \arccos 2 + k2\pi$

Câu 8. Phương trình $\sin x = \sin \alpha$ có nghiệm lượng giác là:

- A.** $x = \pm \alpha + k2\pi (k \in \mathbb{Z})$ **B.** $\begin{cases} x = \alpha + k360^\circ \\ x = \pi - \alpha + k2\pi \end{cases} (k \in \mathbb{Z})$.

C.
$$\begin{cases} x = \alpha + k2\pi \\ x = \pi + \alpha + k2\pi \end{cases} (k \in \mathbb{Z})$$

D.
$$\begin{cases} x = \alpha + k2\pi \\ x = \pi - \alpha + k2\pi \end{cases} (k \in \mathbb{Z})$$

Câu 9. Phương trình $\sin 2x - 2\cos x = 0$ có nghiệm:

A. $x = \frac{\pi}{8} + k\pi; k \in \mathbb{Z}$

B. $x = \frac{3\pi}{4} + k2\pi; k \in \mathbb{Z}$

C. $x = \frac{\pi}{2} + k\pi; k \in \mathbb{Z}$

D. $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi; k \in \mathbb{Z}$

Câu 10. Phương trình $\sin x = \sin \frac{\pi}{3}$ có nghiệm:

A. $x = \pm \frac{\pi}{6} + k2\pi; k \in \mathbb{Z}$

B. $x = \frac{\pi}{3} + k2\pi; x = \frac{2\pi}{3} + k2\pi; k \in \mathbb{Z}$

C. $x = \pm \frac{\pi}{3} + k2\pi; k \in \mathbb{Z}$

D. $x = \frac{\pi}{3} + k\pi; x = \frac{2\pi}{3} + k\pi; k \in \mathbb{Z}$

Câu 11. Giá trị lớn nhất của hàm số $y = 2\sin x + 1$ là:

A. 4

B. 1

C. 2

D. 3

Câu 12. Phương trình: $2\cos 2x + \sqrt{3} = 0$ có nghiệm là:

A. $x = \pm \frac{5\pi}{12} + k\pi$

B. $x = \pm \frac{5\pi}{12} + k2\pi$

C. $x = \pm \frac{5\pi}{6} + k\pi$

D. $x = \pm \frac{5\pi}{6} + k2\pi$

Câu 13. Nghiệm lượng giác của phương trình: $\sin^2 x + 3\sin x + 2 = 0$ là

A. $x = -\frac{\pi}{2} + k\pi (k \in \mathbb{Z}).$

B.
$$\begin{cases} x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi \\ x = \arcsin(-2) + k2\pi \\ x = \pi - \arcsin(-2) + k2\pi \end{cases} (k \in \mathbb{Z})$$

C.
$$\begin{cases} x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi \\ x = \arcsin(-2) + k2\pi \\ x = -\arcsin(-2) + k2\pi \end{cases} (k \in \mathbb{Z})$$

D. $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi (k \in \mathbb{Z})$

Câu 14. Phương trình $5(1 + \cos x) = 2 + \sin^4 x - \cos^4 x$ tương đương với phương trình:

A. $2\cos^2 x + 5\cos x + 2 = 0$

B. $\cos^2 x - 3\cos x + 2 = 0$

C. $2\sin^2 x + 5\sin x - 3 = 0$

D. $2\cos^2 x - 5\cos x = 0$

Câu 15. Phương trình $\cos(3x - 75^\circ) = \frac{1}{2}$ với $0^\circ < x < 60^\circ$, có tập nghiệm là:

A. $S = \{5^\circ\}$

B. $S = \{45^\circ\}$

C. $S = \{5^\circ; 45^\circ\}$

D. $S = \emptyset$

Câu 16. Phương trình $\cot(2x - \frac{\pi}{2}) = 0$ có nghiệm là:

A. $x = k2\pi$

B. $x = \frac{\pi}{2} + k\frac{\pi}{2}$

C. $x = \pi + k\pi$

D. $x = k\pi$

Câu 17. Cho phương trình: $\sin(3x) = -\cos 2x$ (1). Tính tổng các nghiệm của (1) trên $(0; \pi)$.

A. $\frac{\pi}{2}$

B. π

C. $\frac{3\pi}{10}$

D. $\frac{7\pi}{10}$

Câu 18. Tập hợp tất cả các giá trị của tham số m để phương trình : $4\cos\left(3x+\frac{\pi}{6}\right)=m^2-m+2$ có nghiệm thuộc đoạn $\left[-\frac{\pi}{18};\frac{\pi}{18}\right]$ là :

- A. $(-\infty;0]$ B. $[-1;0]\cup[1;2]$ C. $[1;+\infty)$ D. $[-1;2]$

Câu 19. Nghiệm của phương trình: $\tan x + \cot 2x = 0$ là:

- A. Vô nghiệm. B. Đáp án khác.
C. $x = \frac{\pi}{2} + k\pi; k \in \mathbb{Z}$ D. $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi; k \in \mathbb{Z}$

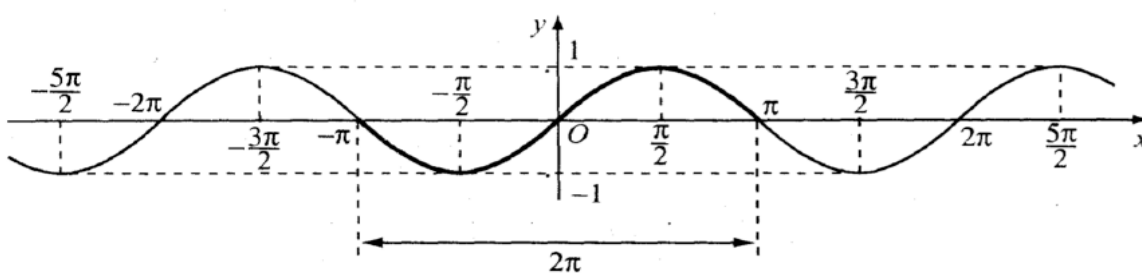
Câu 20. Phương trình $\cos\left(3x - \frac{\pi}{3}\right) = 1$ có nghiệm là:

- A. $x = \frac{\pi}{3} + k\frac{2\pi}{3}$ B. $x = \frac{\pi}{6} + k\frac{2\pi}{3}$ C. $x = \frac{\pi}{12} + k\frac{2\pi}{3}$ D. $x = \frac{\pi}{9} + k\frac{2\pi}{3}$

Câu 21. Nghiệm của phương trình: $2\sin^2 3x = 1$ là:

- A. $x = \frac{\pi}{12} + k\frac{\pi}{6}; k \in \mathbb{Z}$ B. $x = k\frac{\pi}{4}; k \in \mathbb{Z}$
C. $x = k\frac{\pi}{3}; k \in \mathbb{Z}$ D. $x = k\frac{2\pi}{3}; k \in \mathbb{Z}$.

Câu 22. Dựa vào đồ thị của hàm số $y = \sin x$, hãy tìm tất cả các khoảng giá trị của x để hàm số đó nhận giá trị dương.



- A. $(\pi + k2\pi; 2\pi + k2\pi)$. B. $\left(-\frac{\pi}{2} + k2\pi; \frac{\pi}{2} + k2\pi\right)$
C. $(k2\pi; \pi + k2\pi)$. D. $(-\pi + k2\pi; k2\pi)$.

Câu 23. Phương trình: $2\sin x \sin 2x = 3 - \sqrt{3}\sin x$ có nghiệm dạng $x = \frac{a\pi}{b} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}, b \neq 0$. Trong các mệnh đề sau, mệnh đề nào đúng:

- A. $a + b = 4$ B. $a + 2b = 3$ C. $a - b = 1$ D. $2b - a = 10$

Câu 24. Phương trình $\sin x + \cos x = 1 - \frac{1}{2}\sin 2x$ có nghiệm là:

- A. $\begin{cases} x = \frac{\pi}{8} + k\pi \\ x = k\frac{\pi}{2} \end{cases}, k \in \mathbb{Z}$ B. $\begin{cases} x = \frac{\pi}{4} + k\pi \\ x = k\pi \end{cases}, k \in \mathbb{Z}$
C. $\begin{cases} x = \frac{\pi}{2} + k2\pi \\ x = k2\pi \end{cases}, k \in \mathbb{Z}$ D. $\begin{cases} x = \frac{\pi}{6} + k\frac{\pi}{2} \\ x = k\frac{\pi}{4} \end{cases}, k \in \mathbb{Z}$

Câu 25. Giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = \frac{m \cos x - 1}{\sin x - 2}$ lớn hơn 0 khi:

A. $|m| \geq \sqrt{2}$

B. $|m| < 2\sqrt{3}$

C. $|m| < \sqrt{3}$

D. $|m| < 1$

----- **HẾT** -----